HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 05 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa thuộc Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 60/BC-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Bổ sung danh mục 20 dự án phải thu hồi đất với tổng diện tích 225,31 héc ta.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

2. Bổ sung danh mục 05 dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng với tổng diện tích 16,52 héc ta.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, phát sinh nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách; Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để điều chỉnh, bổ sung và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Nghị quyết bổ sung danh mục các dự án và kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án cụ thể phải thu hồi đất để quyết định kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục 1. Danh mục bổ sung dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Nghị quyết số: 10/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RDD	RSX	ODT	TSC	DVH	TMD	DGT	DCH	CSD	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Huyện
			225.31	**0.25**	**45.90**	**146.91**	**13.60**	**4.75**	**0.06**	**0.001**	**0.35**	**0.03**	**0.32**	**0.34**	**12.80**	**24.935**		
I	**Nhóm công trình, dự án thuộc điểm a Khoản 3 Điều 62**		**30.78**		**0.27**	**30.51**										**6.447**		
1	Trường Mẫu giáo Cư Pui	DGD	0.27		0.27											300	Xã Cư Pui	Huyện Krông Bông
2	Trụ sở làm việc và kho chứa tang vật vi phạm hành chính đơn vị Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 3	TSC	0.21			0.21										420	Xã Pơng Drang	Huyện Krông Búk
3	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk	TSC	0.30			0.30										600	Xã Cư Né	Huyện Krông Búk
4	Khu trung tâm hành chính	TSC	30.00			30.00										5.127	Thị trấn Ea Drăng	Huyện Ea H'leo

II	**Nhóm công trình, dự án thuộc điểm b Khoản 3 Điều 62**		**83.50**		**45.63**	**6.43**	**13.60**	**4.75**					**0.29**		**12.80**	**6.532**		
5	Đường Tuần tra Biên giới tỉnh Đắk Lắk	DGT	26.40				13.60								12.80		Xã Krông Na	Huyện Buôn Đôn
6	Đường vào trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Krông Búk và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk	DGT	0.05			0.05										100	Xã Chư Kbô	Huyện Krông Búk
7	Mở mới đường giao thông sau Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai (cũ)	DGT	0.31			0.31										240	Xã Ea Nam	Huyện Ea H'leo
8	Mở rộng đường Lê Thị Hồng Gấm thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar	DGT	0.50			0.50										130	Thị trấn Ea Kar	Huyện Ea Kar
9	Đường giao thông 7 Buôn Cư Huê	DGT	1.50			1.50										390	Xã Cư Huê	Huyện Ea Kar
10	Đường giao thông quốc lộ 26 đi xã Ea Kmút	DGT	2.00			2.00										520	Xã Ea Kmút	Huyện Ea Kar
11	Đường giao thông nội vùng trường THCS Lý Tự Trọng xã Ea Sô	DGT	2.00			2.00										520	Xã Ea Sô	Huyện Ea Kar
12	Đường Đông Trường Sơn (Gói Đ35, C9, C10, Đ36, C11, C12, 17/S2)	DGT	5.04					4.75					0.29			1.000	Các xã Ea Lai, Cư Prao, Ea H'Mlay, Krông Jing, Krông Á	Huyện M'drắk

13	Công trình thủy lợi Khu kinh tế quốc phòng Ea Súp	DTL	45.63		45.63											3.614	Xã Ia R'vê, Ia Lốp	Huyện Ea Súp
14	Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk	DNL	0.07			0.07										18	Các xã, thị trấn	Huyện Ea Kar
III	**Nhóm công trình, dự án thuộc điểm c Khoản 3 Điều 62**		**5.23**	**0.25**		**4.47**			**0.06**	**0.001**	**0.05**	**0.03**	**0.03**	**0.34**		**2.956**		
15	Chợ Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ	DCH	0.43			0.01					0.05		0.03	0.34		1.286	Xã Bình Thuận	Thị xã Buôn Hồ
16	Khu vực tượng đài Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	DVH	0.09						0.06	0.001		0.03				410	Phường Tự An	Thành phố Buôn Ma Thuột
17	Xây dựng các công trình công cộng và khu dân cư nông thôn	DHT, ONT	4.46			4.46										1.160	Xã Cư Ni	Huyện Ea Kar
18	Nhà văn hóa xã Ea Wy	DSH	0.25	0.25												100	Xã Ea Wy	Huyện Ea H'leo
IV	**Nhóm công trình, dự án thuộc điểm d Khoản 3 Điều 62**		**105.80**			**105.50**					**0.30**					**9.000**		
19	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cư M'gar	HNK	105.50			105.50										4.000	Ea Kpam	Huyện Cư M'gar
20	Khu Tái định cư đường Đinh Tiên Hoàng, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột	ODT	0.30								0.30					5.000	Phường Tự An	Thành phố Buôn Ma Thuột

Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- *Nhóm công trình thuộc điểm a khoản 3 Điều 62:* Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;

- *Nhóm công trình thuộc điểm b khoản 3 Điều 62:* Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải;

- *Nhóm công trình thuộc điểm c khoản 3 Điều 62:* Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

- *Nhóm công trình thuộc điểm d khoản 3 Điều 62:* Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

Phụ lục 2. Danh mục bổ sung dự án đầu tư có sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Nghị quyết số: 10/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích (ha)	LUA	RDD	Huyện	Địa điểm (đến cấp xã)
	Tổng		**16.52**	**2.92**	**13.60**		
1	Đường Đông Trường Sơn (Gói Đ35, C9, C10, Đ36, C11, C12, 17/S2)	DGT	2.60	2.60		Huyện M'drắk	Các xã Ea Lai, Cư Prao, Ea H'Mlay, Krông Jing, Krông Á
2	Đấu giá quyền sử dụng đất ở	ODT	0.07	0.07		Huyện Krông Bông	Thị trấn Krông Kmar
3	Nhà văn hóa xã Ea Wy	DSH	0.25	0.25		Huyện Ea H'leo	Xã Ea Wy
4	Dự án thành phần nâng cao hiệu quả năng lượng khu vực nông thôn tỉnh Đắk Lắk (vay vốn KfW)	DNL	0.001	0.001		Huyện Ea Kar	Các xã Ea Kmut, Ea Đar, Cư Ni
5	Đường Tuần tra Biên giới tỉnh Đắk Lắk	DGT	13.60		13.60	Huyện Buôn Đôn	Xã Krông Na